

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 202/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1952.

Bà Lê Kim K, sinh năm 1962.

Ông Phạm Quốc S, sinh năm 1996.

Bà Phan Bé N, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P1, huyện P, tỉnh C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phạm Văn B, bà Lê Kim K, ông Phạm Quốc S và bà Phan Bé N liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S tổng số tiền còn nợ là 1.102.000.000 đồng (một tỷ một trăm lẻ hai triệu đồng), thời gian trả nợ cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 10/9/2022 trả 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng).

- Lần 2: Vào ngày 10/01/2023 trả 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng).

- Lần 3: Vào ngày 10/5/2023 trả 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.530.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó:

- Bà Nguyễn Thị S chịu $\frac{1}{2}$ số tiền là 11.265.000 đồng (mười một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị S đã nộp tạm ứng số tiền 22.530.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) tại Biên lai số 0017731 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu. Đối trừ bà Nguyễn Thị S được nhận lại số tiền là 11.265.000 đồng (mười một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Ông Phạm Văn B, bà Lê Kim K, ông Phan Quốc Sơn và bà Phan Bé N chịu $\frac{1}{2}$ số tiền án phí là 11.265.000 đồng (mười một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Cụ thể: Ông Phạm Văn B, bà Lê Kim K, ông Phan Quốc Sơn và bà Phan Bé N mỗi người chịu 2.816.250 đồng (hai triệu tám trăm mười sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Do ông Phạm Văn B và bà Lê Kim K là người cao tuổi nên theo quy định của pháp luật ông Phạm Văn B và bà Lê Kim K được miễn nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CCTHADS huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Phước